

TỔNG CÔNG TY XDCTGT4
CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số: 579/TKKT-CT

V/v giải trình chênh lệch số liệu BCTC
năm 2013 trước và sau kiểm toán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vinh, ngày 11 tháng 4 năm 2014

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Căn cứ Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Căn cứ số liệu Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty và số liệu Báo cáo tài chính đã được Kiểm toán.
Công ty cổ phần 482 giải trình số liệu như sau:

I. Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Số liệu đơn vị lập	Số liệu kiểm toán	Chênh lệch	Nguyên nhân chênh lệch
A. Tài sản ngắn hạn				
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.762.266.341	14.826.738.476	13.064.472.135	
2. Các khoản tương đương tiền	0	13.064.472.135	13.064.472.135	Tăng do phân loại tiền tương đương tiền
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	15.065.380.860	2.000.009.000	-13.065.371.860	
1. Đầu tư ngắn hạn	15.065.380.860	2.000.009.000	-13.065.371.860	Giảm do phân loại tiền tương đương tiền, lãi tiền gửi bằng USD, đánh giá chênh lệch tỷ giá.
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	95.240.137.900	95.209.841.317	-30.296.583	
5. Các khoản phải thu khác	6.702.805.958	6.672.509.375	-30.296.583	Bù trừ công nợ trên cơ sở đối chiếu công nợ nhận được sau ngày lập báo cáo
IV. Hàng tồn kho	237.766.327.970	234.903.481.657	-2.862.846.313	
1. Hàng tồn kho	237.766.327.970	234.903.481.657	-2.862.846.313	Giảm hàng tồn kho do hạch toán tăng doanh thu
V. Tài sản ngắn hạn khác	15.846.221.974	15.917.892.034	71.670.060	
4. Tài sản ngắn hạn khác	15.846.221.974	15.917.892.034	71.670.060	Tăng phải thu tạm ứng khớp đối chiếu công nợ
B. Tài sản dài hạn				

Chỉ tiêu	Số liệu đơn vị lập	Số liệu kiểm toán	Chênh lệch	Nguyên nhân chênh lệch
V. Tài sản dài hạn khác	1.449.516.316	1.513.707.805	64.191.489	
1. Chi phí trả trước dài hạn	1.449.516.316	1.513.707.805	64.191.489	Tăng do hạch toán thiếu chi phí trả trước
Tổng công tài sản	420.336.225.942	417.578.044.870	-2.758.181.072	
A. Nợ phải trả	373.410.751.721	370.653.245.443	-2.757.506.278	
I. Nợ ngắn hạn	368.571.200.429	366.614.309.488	-1.956.890.941	
1. Vay và nợ ngắn hạn	71.483.633.374	72.346.948.711	863.315.337	Tăng do chuyển nợ dài hạn đến hạn trả
2. Phải trả người bán	143.277.991.319	144.092.148.462	814.157.143	Bù trừ công nợ trên cơ sở đối chiếu công nợ nhận được sau ngày lập báo cáo
3. Người mua trả tiền trước	51.419.197.535	49.761.440.758	-1.657.756.777	Giảm do hạch toán thiếu phải thu khách hàng
4. Thuế và các khoản phải nộp NIN	7.054.054.287	7.380.571.882	326.517.595	Tăng do hạch toán thuế TNCN, VAT
6. Chi phí phải trả	815.129.808	1.124.035.524	308.905.716	Tăng do hạch toán thiếu chi phí lãi vay, chi phí công trình
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	81.056.637.617	78.444.607.662	-2.612.029.955	Bù trừ công nợ trên cơ sở đối chiếu công nợ nhận được sau ngày lập báo cáo
II. Nợ dài hạn	4.839.551.292	4.038.935.955	-800.615.337	
4. Vay và nợ dài hạn	2.013.980.518	1.150.665.181	-863.315.337	Giảm do chuyển nợ ngắn hạn đến hạn trả
7. Dự phòng phải trả dài hạn	1.827.634.145	1.890.334.145	62.700.000	Tăng do trích thiếu báo hành công trình
B. Vốn chủ sở hữu	46.925.474.221	46.924.799.427	-674.794	
I. Vốn chủ sở hữu	46.925.474.221	46.924.799.427	-674.794	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.439.868.982	6.439.194.188	-674.794	Giảm lợi nhuận do đánh giá chênh lệch tỷ giá
Tổng công nguồn vốn	420.336.225.942	417.578.044.870	-2.758.181.072	

II. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Số liệu đơn vị lập	Số liệu kiểm toán	Chênh lệch	Nguyên nhân chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	721.828.021.449	723.766.450.337	1.938.428.888	Tăng do hạch toán thiếu doanh thu.
4. Giá vốn hàng bán	684.990.270.266	686.928.699.154	1.938.428.888	Tăng do hạch toán thiếu giá vốn.
6. Doanh thu, hoạt động tài chính	526.435.615	588.244.164	61.808.549	Tăng lãi tiền gửi.
7. Chi phí tài chính	12.117.192.371	12.179.900.645	62.708.274	Tăng lãi tiền vay.
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.799.556.238	8.798.656.513	-899.725	Giảm lợi nhuận do đánh giá chênh lệch tỷ giá giảm
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.359.687.256	2.359.462.325	-224.931	Giảm do các bút toán điều chỉnh trên
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	6.439.868.982	6.439.194.188	-674.794	Giảm do các bút toán điều chỉnh trên

Công ty cổ phần 482 giải trình những nguyên nhân chủ yếu làm ảnh hưởng tới chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính năm 2013 trước và sau kiểm toán như trên.
Trân trọng cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, TCKT

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

h



GIÁM ĐỐC

Đà Hòa Nguyễn